

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VN - CTCP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CHI NHÁNH KHU VỰC MIỀN NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *MM7*/TCTHK - CNMN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày *27* tháng 04 năm 2018

V/v Triển khai điều chỉnh bộ điều kiện chung  
hành trình Quốc tế DKC18/VN\_V5.0\_Hiệu lực  
từ ngày 01/05/2018.

Kính gửi: Đại lý bán vé máy bay của Vietnam Airlines

- Căn cứ theo công văn 891/TCTHK-TTBSP ngày 27/04/2018 về việc triển khai bộ điều kiện DKC18/VN\_V5.0;

Vietnam Airlines Chi nhánh Khu vực miền Nam triển khai đến Quý Đại lý nội dung cụ thể như sau:

Stt	Số hiệu biểu giá	Nội dung triển khai
1	DKC18/VN_V5.0	<b>Bộ điều kiện chung hành trình Quốc tế:</b>  - <b>Bổ sung giới hạn chuyến bay 9W</b>

**Hiệu lực** : Áp dụng cho vé xuất và hành trình khởi hành từ ngày **01/05/2018**.

Trong trường hợp có vướng mắc hoặc khó khăn khi triển khai, đề nghị Quý Đại lý liên hệ với chuyên viên phụ trách để được trợ giúp.

Đề nghị Quý Đại lý triển khai và thực hiện.  
Trân trọng cảm ơn.



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo)
- P.KT; P.DCBV; AITS
- CN PQC, VCA
- Lưu VT; TMHK (*Sannm*).

**Đính kèm:**

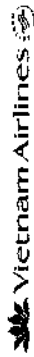
- DKC18/VN\_V5.0

**TUQ. GIÁM ĐỐC**  
**KT. TRƯỞNG PHÒNG PTB**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Lữ Quốc Toàn**



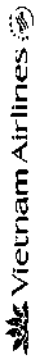


**BỘ ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM DKC18/VN version 5.0**    **Hiệu lực:**    Vé xuất từ ngày **01/05/2018**  
 & khởi hành từ ngày **01/05/2018**

Điều kiện		Hành trình đến	J-C-	D-T-	W-	Z-U-	Y-B-/M-/S-	H-(K-)/L-/Q-/N-/R-	T-/A-/G-/E-/P-	
04. Giới hạn chuyển bay		Tất cả	1. <b>Giá -VN/9:</b> Chỉ được phép áp dụng trên chuyến bay VN4000-VN4999 2. <b>Khác:</b> Tra cứu trong Phụ lục 2 kèm theo Bộ điều kiện này							
05. Đặt chỗ, xuất vé		Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé. Không được phép xuất vé mở.								
05.01. Giá du lịch, khách đoàn/lao động/Thuyền viên		Tất cả	<b>Ngoại trừ:</b> <i>Giá lao động RT đi RU được phép xuất vé mở chiều quay về.</i>							
05.02. Giá khách lẻ và các đối tượng khác		Đông Nam Á	OP-/AP-: 3 ngày; OP1-/AP1-: 7 ngày; OP2-/AP2:14 ngày; OP3-/AP3-:21 ngày; OP4-/AP4: 30 ngày; OP5-/AP5-:45 ngày; OP6-/AP6: 60 ngày. Vé phải xuất trong vòng 24h sau khi đặt chỗ.							
Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé.		Khác	OP-/AP-: 3 ngày; OP1-/AP1-: 7 ngày; OP2-/AP2:14 ngày; OP3-/AP3-:21 ngày; OP4-/AP4: 30 ngày; OP5-/AP5-:45 ngày; OP6-/AP6: 60 ngày.							
06. Thời hạn dùng tối thiểu		Tất cả	Vé phải xuất trong vòng 24h sau khi đặt chỗ.							
06.01. Giá du lịch, khách đoàn		ĐNA/ĐBA	02 ngày							
		RU	03 ngày							
		Khác	04 ngày							
06.02. Giá lao động		RU	08 ngày							
		Khác	Không áp dụng							
06.03. Giá khách lẻ & giá khác		Tất cả	Không áp dụng							1 ngày
07. Thời hạn dùng tối đa										
07.01. Giá du lịch, khách đoàn		HK/ĐNA	10 ngày							
		Khác	14 ngày.							
07.03. Giá lao động		RU	09 ngày							
		Khác	01 năm							
07.04. Giá khách lẻ & giá khác		Châu Âu	01 năm							03 tháng
		Khác								01 năm
08. Điểm dừng		Tất cả	Được phép dừng, thu phí 10USD/điểm dừng <b>Ngoại lệ:</b> Không được phép dừng : - Tại các điểm nối chuyển quốc tế (x/) giữa chặng bay của VN và VN* tại							

Điều kiện	Hành trình đến	J-/C-	D-/I-	W-	Z-/U-	Y-/B-/M-/S-	H-/K-/L-/Q-/N-/R-	T-/A-/G-/E-/P-
		TPE/SIN/JKT/TYO/FUK/NGO/OSA/SEL/PUS/PAR/FRA/LON/MOW/ATL/MSP/HNL/LAX/SEA. Ví dụ: VN1-xTPE-VN*-SFO không được phép dừng tại TPE - Tại điểm nối chuyển giữa chặng bay và chặng tàu hoặc xe buýt. - Tại điểm nối chuyển nội địa Mỹ quy định tại Mục 09.						
09. Điểm trung chuyển	Châu Mỹ							
	Khác							
10. Xây dựng và kết hợp giá								
10.01. Xây dựng giá với mức giá cộng chặng	Tất cả							
10.02. Kết hợp giá trên cơ sở ½ giá khứ hồi Sau khi kết hợp áp dụng điều kiện hạn chế nhất trừ các điều kiện: điều kiện giới hạn chuyến bay (mục 04), thời gian không áp dụng (mục 11)	Tất cả							
10.03. Kết hợp giá độc lập/Hành trình phụ Xuất vé theo giá tính tự động trên hệ thống.	Tất cả							
11. Thời gian không áp dụng	Tất cả							

**J-/C-** TPE/SIN/JKT/TYO/FUK/NGO/OSA/SEL/PUS/PAR/FRA/LON/MOW/ATL/MSP/HNL/LAX/SEA.  
**D-/I-** Ví dụ: VN1-xTPE-VN\*-SFO không được phép dừng tại TPE  
 - Tại điểm nối chuyển giữa chặng bay và chặng tàu hoặc xe buýt.  
 - Tại điểm nối chuyển nội địa Mỹ quy định tại Mục 09.  
**W-** Hành trình sử dụng đồng thời sản phẩm trên VN, VN\*/DL, DL và có chặng bay vượt biển từ TYO đến Mỹ: Được phép trung chuyển (x/) tại 01 điểm nội địa Mỹ/chiều tại ATL/HNL/LAX/MSP/PDX/NYC/SEA/SFO.  
**Z-/U-** Ví dụ: Mức giá của hành trình VN1 VN xTYO VN\* ATL được phép áp dụng cho hành trình VN1 VN xTYO VN\* HNL/LAX/MSP/PDX/NYC/SEA/SFO DL ATL  
**Y-/B-/M-/S-** Hành trình có chặng nội địa Mỹ: mỗi chặng nội địa Mỹ được phép bay vòng qua 1 điểm trong mạng đường bay của hãng hàng không Mỹ tham gia hành trình và không được phép stopover tại điểm bay vòng.  
**H-/K-/L-/Q-/N-/R-** Áp dụng theo biểu giá.  
**T-/A-/G-/E-/P-** Áp dụng theo biểu giá/điều kiện.  
**10.01. Xây dựng và kết hợp giá**  
 - Hành trình từ Việt Nam đi Châu Âu, Châu Úc, Đông Bắc Á, Trung Đông-Châu Phi, Châu Mỹ: Được phép kết hợp add-on các chặng nội địa Việt Nam đối với giá áp dụng cho đối tượng khách lẻ.  
 - Các hành trình khác và giá khác: Không được phép.  
**1. Giá -VN9:** Chỉ được phép kết hợp với giá -VN9  
**2. Giá khác:**  
**(a) Kết hợp giữa các giá cạnh tranh:**  
 (a1) Giá Du lịch:  
 - Chỉ được phép kết hợp với nhau và trong cùng khu vực (Châu Âu với Châu Âu, Đông Nam Á với Đông Nam Á, Đông Bắc Á với Đông Bắc Á, Châu Úc với Châu Úc) và miễn trừ quy định về TPM  
 (a2) Giá định cư (IOM)/ Giá lao động/ Thuyền viên: Không được phép kết hợp thành hành trình CT/OJ.  
 (a3) Giá khác: Được phép kết hợp giữa các giá có cùng mùa. Các giá không có mùa, được áp dụng tất cả các giai đoạn trong năm.  
**(b) Kết hợp giữa giá cạnh tranh và giá công bố của VN:** Được phép trong trường hợp xuất vé tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống.  
**(c) Kết hợp giữa giá công bố của VN và giá công bố của OAL/YY:** Được phép trong trường hợp xuất vé tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống.  
**(a) Giữa các giá cạnh tranh:** Không được phép.  
**(b) Giữa giá cạnh tranh và giá công bố của VN:** Được phép trong trường hợp xuất vé tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống.  
**(c) Giữa giá công bố của VN với giá công bố của VN/OAL/YY:** Được phép.  
**(d) Kết hợp với giá Visit USA (VUSA fare):** Không được phép.  
**Người lê:** Giá -VN9: Chỉ được phép kết hợp với giá -VN9  
 Áp dụng theo biểu giá/điều kiện.



**BỘ ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM DKC18/VN version 5.0**      **Hiệu lực:** Vé xuất từ ngày **01/05/2018** & khởi hành từ ngày **01/05/2018**

Điều kiện		Hành trình đến	J/C-	D-/I-	W-	Z/U-	Y-/B-/M-/S-	H-/K-/L-/Q-/N-/R-	T-/A-/G-/E-/P-	
<b>12. Khoản thu thêm</b>										
12.1. Khoản thu thêm áp dụng cho từng đoạn tính giá (fare component) đối với vé xuất vé của hãng hàng không khác, không phải vé VN (738): <b>Tra cứu Phụ lục 3.</b>										
12.2. Khoản thu thêm áp dụng cho vé 738:										
Áp dụng khi đặt chỗ trên các chuyến bay từ VN2000 đến VN3999 (không thu thêm được tính theo từng chặng bay)	Chặng bay HAN/SGN-SEL/PUS v.v và DAD-SEL v.v	Tất cả	J-: 540USD C-: không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Y-: 290USD B-/M-/S-: 250USD	200USD		
	Chặng bay NHA-SEL v.v	Tất cả	J-: 640USD C-: không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Y-/B-: 340USD M-/S-: 290USD	270USD		
	Chặng bay HAN/SGN-TYO v.v	Tất cả	Giá J-: 1200USD Giá C-: 900USD	900USD	Không áp dụng	Không áp dụng	Y-/B-: 720USD M-/S-: 500USD	H-: 500USD K-/L-/Q-: 330USD N-/R-: 230USD	190USD	
Áp dụng khi đặt chỗ trên các chuyến bay từ VN8000 đến VN8999 (không thu thêm được tính theo từng chặng bay)	Chặng nội địa Đức sử dụng sản phẩm tàu DB	Tất cả						20USD		
		Tất cả						50USD		
13. Đối tượng đi cùng										
15. Hạn chế bán										
15.01. Quảng cáo và bán										
(a) Giá công bố Loại tiền: USD	Giới hạn lãnh thổ bán	KR	Không giới hạn lãnh thổ bán. Ngoại trừ: <i>Giá R-: Chỉ bán tại Việt Nam</i>							Chỉ bán tại Việt Nam
	Mã vé	Các điểm khác	Tất cả	Không giới hạn mã vé	Không giới hạn mã vé	Không giới hạn mã vé	Không giới hạn mã vé	Không giới hạn mã vé	Không giới hạn mã vé	Chỉ bán tại Việt Nam
				Mã vé 738	Mã vé 738	Mã vé 738	Mã vé 738	Mã vé 738	Mã vé 738	Mã vé 738
(b) Giá cạnh tranh: Loại tiền USD										
Chỉ bán tại Việt Nam. Mã vé 738										

15.04. Giá hạn vé		Không được phép					
Giá du lịch, khách đoàn	Tất cả	Không được phép					
Giá khác	Châu Á	Không áp dụng					
	Khác	Không áp dụng					
<b>16. Phạt/Thay đổi:</b>							
<b>Lưu ý:</b>							
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi có nhiều mức phí/phạt, áp dụng mức phí/phạt cao nhất trong các đoạn tính giá thay đổi.</li> <li>- Không được phép hoàn khoản thu thêm:</li> <li>(1) Khoản thu thêm khi đặt chỗ trên chuyến bay liên danh (được quy định ở cat 12) trong trường hợp thay đổi sang chuyến bay do VN khai thác.</li> <li>(2) Khoản thu thêm khi nâng hạng đặt chỗ (được quy định ở phụ lục 1) trong trường hợp thay đổi đặt chỗ sang chuyến bay có hạng đặt chỗ thấp hơn.</li> </ul>							
<b>16.01. Giá du lịch, khách đoàn</b>							
<b>(a) Hoàn/Hủy vé</b> Phải đảm bảo quy định về số lượng khách tối thiểu quy định trong biểu giá/Adhoc. Không được hoàn vé đã sử dụng một phần	Trước ngày bay ghi trên vé	ĐNA/ĐBA	30USD	30USD	30USD	50USD	Không được phép Ngoại trừ: Giá T. Được phép, phí 50USD
		Khác	Miễn phí	30USD	50USD	100USD	Không được phép Ngoại trừ: Giá T. Được phép, phí 100USD
<b>(b) Thay đổi</b> <b>(b1)/Thay đổi đặt chỗ:</b> Đổi với hành trình có chặng, nội địa nội chuyển quốc tế; Chặng nội địa được phép thay đổi đặt chỗ miễn phí.	Trước ngày bay ghi trên vé	ĐNA/ĐBA	Miễn phí	30USD	30USD	30USD	50USD
		Khác	Miễn phí	30USD	50USD	50USD	100USD
Vào/sau ngày bay ghi trên vé	Tất cả	Không được phép					
		Không được phép					
<b>(b2)/Thay đổi đặt chỗ:</b> Đổi với hành trình có chặng, nội địa nội chuyển quốc tế; Chặng nội địa được phép thay đổi đặt chỗ miễn phí.	Vào/sau ngày bay ghi trên vé	ĐNA/ĐBA	Miễn phí	30USD	30USD	30USD	50USD
		Khác	Miễn phí	30USD	50USD	50USD	100USD
		Không áp dụng		Không áp dụng		Không được phép	

(b2) Thay đổi hành trình	Tất cả	Không áp dụng	Không được phép
(b3) Nâng hạng dịch vụ	Tất cả		Được phép. Không cần đảm bảo số lượng khách tối thiểu.
<b>16.02. Giá lao động, thuyền viên</b>			
(a) Hoàn vé	Tất cả	Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ	
<i>Trước ngày bay ghi trên vé</i>			
<i>Vào/sau ngày bay ghi trên vé</i>	RU	Vé đã sử dụng chiều outbound: Được phép hoàn thuế/phi miễn phí.	
	Khác	Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ	
(b) Thay đổi	KR/MY/TW	(i) Thay đổi đặt chỗ: Được phép miễn phí; (ii) Thay đổi hành trình: Không được phép.	
	Khác	(i) Thay đổi đặt chỗ: Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ (ii) Thay đổi hành trình: Không được phép.	
	Tất cả	(i) Thay đổi đặt chỗ: Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ (ii) Thay đổi hành trình: Không được phép.	
<b>16.03. Giá du học/thăm thân/cô dâu/quốc tịch/định cư</b>			
(a) Hoàn vé	Tất cả	Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ	
(b) Thay đổi	Tất cả	Thay đổi đặt chỗ lần đầu trên chặng quốc tế: Được phép miễn phí và phải xuất đổi vé. Các thay đổi khác: Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ.	
<b>16.04. Giá khách lẻ và đổi tượng khách khác:</b>			
<b>16.04.01. Hành trình bao gồm chặng nội địa Pháp trên chuyến bay VN* do SNCF khai thác</b>			
Hoàn vé/Thay đổi	VN-FR	Miễn phí	185USD
<i>Trước thời điểm 72 giờ trước giờ khởi hành ghi trên vé của chặng bay VN*/SNCF</i>		Miễn phí	185USD
		95USD	125USD
			380USD

	Vào/sau thời điểm 72 giờ trước giờ khởi hành ghi trên vé của chặng bay VN*/SNCF	185USD	370USD	115USD	300USD	115USD	300USD	500USD
<b>16.04.02. Hành trình khác</b>								
<b>(a) Hoàn vé</b> Trường hợp khách chỉ bay chặng nội địa trong hành trình nội chuyển quốc tế, tình trạng đã sử dụng bằng giá 1 năm cao nhất tương ứng hàng dịch vụ khách đã mua.	<b>Trước ngày bay ghi trên vé</b>	ĐNÁ/ĐBÁ/ Châu Mỹ	20USD	Miễn phí		20USD	Miễn phí	20USD
		Khác	50USD	Miễn phí		50USD	50USD	100USD
	<b>Vào/sau ngày bay ghi trên vé</b>	ĐNÁ/ĐBÁ/ Châu Mỹ	20USD	Miễn phí		20USD	20USD	50USD
		Khác	50USD	Miễn phí		50USD	100USD	100USD
Không được phép								
<b>(b) Thay đổi</b>	<b>Trước ngày bay ghi trên vé</b>	ĐNÁ/ĐBÁ/ Châu Mỹ	20USD	Miễn phí		20USD	Miễn phí	20USD
		Khác	50USD	Miễn phí		50USD	50USD	100USD
	<b>Vào/sau ngày bay ghi trên vé</b>	ĐNÁ/ĐBÁ/ Châu Mỹ	20USD	Miễn phí		20USD	20USD	50USD
		Khác	50USD	Miễn phí		50USD	100USD	100USD
Không được phép								



	<p><b>Lưu ý:</b> Thay đổi Đổi với hành trình có chặng nội địa nối chuyến quốc tế</p>	<p>Tất cả</p>	<p>(b1) Chặng nội địa được phép thay đổi đặt chỗ miễn phí.                  (b2) Đổi với trường hợp đổi từ tạm dừng tại điểm trung chuyển (x) thành dừng (stopover), chi thu phí điểm dừng (nếu có), không thu phí đổi hành trình.</p>
<p>(c) Năng hạng dịch vụ</p>	<p>Tất cả</p>	<p>Tất cả</p>	<p>Được phép</p>
<p>18. Ghi vé</p>	<p>Tất cả</p>	<p>Tất cả</p>	<p><i>VN đảm bảo chấp nhận các vé xuất tự động theo giá tính được từ động trên hệ thống tại thời điểm xuất vé.</i>                  Đổi với vé xuất không hoàn toàn tự động/thủ công (manual), ghi vé như dưới đây:</p>
<p>Ô “FARE”, “FARE CALC”</p>	<p>Tất cả</p>	<p>Tất cả</p>	<p>(a) Ô <b>Fare</b>: ghi " IT"                  (b) Ô <b>Fare calc</b>: ghi hành trình, hãng, "IT", tỷ giá IATA.</p>
<p>Ví dụ 1: Phụ phí an ninh áp dụng đổi với chặng bay từ Hongkong (Q HKG)                  HAN VN HKG195.00HEE3M VN HAN Q5.80 195.00HEE3M NUC395.80END ROE1.00                  Ví dụ 2: Ghi giá thực thu đổi với hành trình xây dựng giá với mức giá cộng chặng.</p>	<p>Tất cả</p>	<p>Tất cả</p>	<p>(a) Ô <b>Fare</b>: ghi giá thực thu (đã bao gồm khoản thu thêm khi nâng hạng đặt chỗ trên OAL, khoản thu thêm đặt chỗ trên chuyến bay liên danh VN* do hãng khác khai thác giá của chặng cộng thêm).                  (b) Ô <b>Fare calc</b>: ghi hành trình, hãng, tỷ giá IATA, Q (đối với trường hợp phải thu Q trên hệ thống), giá sử dụng để ghi vé trong ô <b>Fare</b> theo NUC, tỷ giá IATA.</p>
<p>Ô “TOUR CODE”</p>	<p>Tất cả</p>	<p>Tất cả</p>	<p>Ghi số hiệu biểu giá hoặc số phê duyệt adhoc.                  Trường hợp xuất vé ghi khác thực thu: Ghi mã hóa giá tiền thực thu (Số hiệu biểu giá/số phê duyệt adhoc ghi vào ô "END/RES")</p>
<p>Ô “ENDOR SEMENT/ RESTRIC TIONS”</p>	<p>Tất cả</p>	<p>Tất cả</p>	<p>GTT. NON-END/EXT. CHANGES RESTRICTED. NOT APPLY ON &lt;số hiệu chuyến bay trong Phụ lục 2&gt;                  NON-END/EXT. CHANGES RESTRICTED. NOT APPLY ON &lt;số hiệu chuyến bay trong Phụ lục 2&gt;</p>
<p>Khách du lịch Khách đoàn Khách lao động Khách tiêu thương Khách lẻ/ Khách khác</p>	<p>Tất cả Tất cả Tất cả Tất cả HAN/SGN- CAN</p>	<p>Tất cả Tất cả Tất cả Tất cả HAN/SGN- CAN</p>	<p>"NON-END/EXT/RTE. CHANGES RESTRICTED.                  NON END.RFD/RBK/EXT RESTRICTIONS MAY APPLY. NOT APPLY ON                  &lt;số hiệu chuyến bay trong Phụ lục 2&gt;                  NON END. RESTRICTIONS MAY APPLY. NOT APPLY ON                  &lt;số hiệu chuyến bay trong Phụ lục 2&gt;</p>
<p>19. Giảm giá cho trẻ em/trẻ nhỏ</p>	<p>Tất cả</p>	<p>Tất cả</p>	<p></p>

	Khách định cư/ thăm thân (IOM)	VN-US/CA	75% giá áp dụng cho người lớn
Trẻ em từ 2- <12 tuổi đi cùng người lớn	Khách lẻ/du học/khách du lịch/đoàn /quốc tịch/ lowbudget	Khác	50% giá áp dụng cho người lớn
Trẻ nhỏ <2 tuổi đi cùng người lớn không sử dụng chỗ	Khách lẻ/ khách du lịch/đoàn/ quốc tịch/ định cư/ thăm thân (IOM)/ Lowbudget	Tất cả	75% giá áp dụng cho người lớn
	Khách khác	Tất cả	Không áp dụng
	Khách lẻ/ khách du lịch/đoàn/ quốc tịch/ định cư/ thăm thân (IOM)/ Lowbudget	Tất cả	10% giá áp dụng cho người lớn
20. Giảm giá cho hướng dẫn viên	Khách khác	Tất cả	Không áp dụng
21. Giảm giá cho đại lý	Tất cả	Tất cả	Không áp dụng
22. Giảm giá khác	Tất cả	Tất cả	Không áp dụng
23. Quy định khác			
23.1. Hoa hồng	Tất cả	Tất cả	Tất cả giá là giá tịnh không bao gồm hoa hồng trừ các quy định khác có trong biểu giá của VN
23.2. Thuế, phí, phụ thu	Tất cả	Tất cả	Trừ một vài ngoại lệ ghi cụ thể trong biểu giá, tất cả các giá trong biểu giá không bao gồm bất kỳ một khoản thuế, lệ phí, phụ thu nào. Các nơi xuất vé có trách nhiệm thu đầy đủ các khoản thuế, lệ phí, phụ thu áp dụng (nếu có) và chuyển trả VN theo báo cáo bán hàng kỳ
23.3. Hành lý miễn cước	Tất cả	Tất cả	Áp dụng mức hành lý miễn cước tính được tự động trên hệ thống; Ngoại trừ: Đối với hành trình hoàn toàn trên VN và do VN khai thác: (a) Giá ưu học: 40Kg (b) Giá thuyền viên: 40kg (c) Giá thăm thân, cô dâu, quốc tịch, định cư: 40Kg (d) Giá lao động: 30kg ngoại trừ hành trình VN-JP/RU là 40kg (e) Giá CA: (e1) Hành trình VN- KR/JP/AU/RU: + 10kg từ mức miễn cước tương ứng theo giá khách lẻ. (e2) Hành trình khác: Áp dụng theo mức hành lý miễn cước tương ứng theo giá khách lẻ.
26. Điều kiện áp dụng cho khách du lịch, khách đoàn			(Chỉ áp dụng cho giá -T/G<n>)
26.1. Số lượng khách tối thiểu mỗi đoàn	Tất cả		<n> 4/6/10: 4/6/10 khách. Các trường hợp sau được tính là một (01) khách trong đoàn: (i) 01 người lớn; (ii) 02 trẻ em đi theo giá áp dụng cho trẻ em.

<p><b>26.2. Điều kiện bắt buộc đi cùng nhau</b></p>	<p>Tất cả</p>	<p>Khách phải đi cùng nhau trên cả hành trình.  <i>Ngoại trừ:</i> Các đoàn có điểm khởi hành thuộc CNKVMT (BMV/DAD/DLI/HUINH/A/PXU/UIH/VCL/VDH) được phép gom đoàn tại HAN/SGN/DAD chiểu đi và tách đoàn tại HAN/SGN/DAD chiểu về.</p>
<p><b>26.3 Điều kiện đặt cọc</b></p>	<p>Tất cả</p>	<p>- Thời điểm đặt cọc: 3 ngày sau khi chỗ được xác nhận và tối thiểu trước 5 ngày so với ngày khởi hành.                  - Mức đặt cọc: 30% x giá vé số lượng chỗ trong booking( được phép hủy miễn phí 15% tổng số chỗ đã đặt cọc. Trường hợp hủy quá 15%, áp dụng mức phạt 30% x giá vé x số chỗ hủy quá.                  - Trong vòng 5 ngày trước ngày khởi hành, nếu không xuất vé, được phép đặt cọc thêm 70% ( dù 100%) cho cả đoàn khách và phải đảm bảo điều kiện thời hạn báo tên và xuất vé ít nhất 1 ngày trước ngày khởi hành.</p>
<p><b>27. Chương trình du lịch</b></p>	<p>Tất cả</p>	<p>Áp dụng theo biểu giá/A/dhoc</p>

**Ưu tiên bán cho Vietnam Airlines:**

- Các Đại lý của Vietnam Airlines chỉ được xuất vé VN (vé 738) cho những hành trình thỏa mãn các điều kiện sau:
    - + Có ít nhất một chặng bay trên VN, hoặc VN\*
    - + Chặng bay trên VN/VN\* phải là chặng bay quốc tế đầu tiên nếu VN có chuyến bay trên chặng đó.
- Ngoại lệ:* Được phép xuất vé VN (vé 738) cho những hành trình nội địa Mỹ, nội địa Canada, giữa Mỹ và Canada, các vé xuất theo giá SkyTeam pass, nội địa Trung Quốc và nội địa Malaysia với điều kiện:
- + Đại lý phải xuất vé VN (vé 738) chặng quốc tế đầu tiên trên VN và Ghi số vé chặng quốc tế trên VN vào ô “Conjunction Ticket”/“End/Res” của vé xuất chặng nội địa Mỹ/Canada/giữa Mỹ và Canada /Trung Quốc/Malaysia/SkyTeam pass

**Phụ lục 01: HẠNG ĐẶT CHỖ CHO CÁC CHẶNG BAY TRÊN HÀNG KHÁC**

*Áp dụng đối với các giá tính thu công/không tính được từ đồng hoàn toàn  
 (Đối với các giá tính được từ đồng từ hệ thống: áp dụng hàng đặt chỗ hiển thị trên hệ thống)*

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Khoản thu thêm	Ghi chú
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn		
8M	Economy	Tất cả	RGN- BKK/KUL/REP	N	N		
	Business		Tất cả các chặng bay	P/I	P/I		
9W	Economy	Tất cả	HKG - BOM/DEL; DEL - BLR/BOM/MAA Các chặng bay khác	W/O/V	W/O/V		
				W/O/V	W/O/V		
AA		Lao động/ Thăm thân/ Định cư	Tất cả các chặng bay đến Mỹ	Q	Q		Không thu Phụ Thu nhiên liệu dưới dạng Q của AA.
	Economy	Các loại giá khác	Tất cả các chặng bay đến Mỹ	Q	Q	- Đặt chỗ hạng N thu thêm 60USD/ 1 chiều bay. - Đặt chỗ hạng S thu thêm 165USD/ 1 chiều bay.	
AC	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay quốc tế	L, S	L, S	- Đặt vào hạng W thu thêm 80USD/chiều - Đặt vào hạng V thu thêm 120USD/chiều	Không thu Q của AC.
AI	Economy	Tất cả	Các chặng bay nội địa Ấn Độ Các chặng bay quốc tế	W W,V	W W,V		
AM	Business	Tất cả	Tất cả các chặng bay	D	D		- Hành trình vận chuyển quốc tế phải bao gồm chặng bay của VN và AM; - Không thu Q của AM.
	Economy			N	N	Đặt chỗ hạng E thu thêm 50USD/chiều bay.	
AZ	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	Áp dụng hạng đặt chỗ trên hệ thống			
B2	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	T	T		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
BI	Business	J-/C-/D-	Tất cả các chặng bay	Z	Z		
		W-/Z-/Y-		Q,T,S	Q,T,S		
	Economy	B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-		Q,S	Q,S		
		R-/T-/E-/P-/A-		S	S		
BR	Economy	Tất cả	Các chặng bay giữa TW và US/CA	V, Q	V, Q		
CA	Economy	Tất cả	Chặng bay TPE-BKK/HKG/TYO/FUK/OSA	M	M		
		Tất cả	Tất cả các chặng bay	L	T		
	Business	Tất cả	TPE-LAX/SFO/YVR	C	C		
		Tất cả	TPE - KHH	Y	Y		
CI	Economy	Lao động/ Du học	Các chặng bay khác trừ TPE - KHH	L	L		
		Các loại giá khác	Chặng bay giữa TW và US/CA	L	L	Đặt chỗ hạng X thu thêm 30USD/1 chiều bay. - Đặt chỗ hạng N thu thêm 40USD/1 chiều bay.	
	Economy	Tất cả	Các chặng bay còn lại	L,N	L,N		
			HKG - Châu Úc	V	G		
CX	Economy	Tất cả	HKG - BOM/CEB/CMB/DEL/JNB/MNL/SEL/TPE	N	G		
			HKG - LAX/SFO/NYC/YTO	Q	G		
			HKG - YVR	V	G		
			HKG - BAH/DXB/RUH/IED				
			HKG - TYO/OSA/FUK/NGO/HND				
			HKG - BKK/BJP/DPS/JKT/KUL/PEN/SHA/SIN/SUB				

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
CZ	Economy	Tất cả	CAN - LAX	T	T		
			CAN - BJS/HGH/NKG/WUH	Q,K	Q,K		
			CAN-CSX/CTU/FOC/HAK/KHN/KMG/NGG/SHA/XMN	V, U	V, U		
DL	Business	Tất cả	Tất cả các chặng nội địa Mỹ, Canada	Z,A	Z,A		Không thu Q của DL.
				H	H		
				Q	Q		
				L	L		
				T	T		
				X	X		
EK	Economy	Tất cả	DXB-BAH/FRA/KUL/KWI/PAR/SIN/THR	V	V		
				L	G		
				W	W		
EY	Economy	Tất cả	BKK-AUH	V	V	Đặt chỗ hạng L thu thêm 40USD/1 chiều bay.	
				V	V	Đặt chỗ hạng L thu thêm 25USD/1 chiều bay.	
				V	V	Đặt chỗ hạng L thu thêm 10USD/1 chiều bay.	
				V,L	V,L		
GA	Business	Tất cả	Tất cả các chặng bay khác	D	-		
				C	-		
				V/T/Q	G		
GF	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	Q/N	G		
				Q	Q		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Khoản thu thêm	Ghi chú
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn		
HX	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	V, T, Q	G		
	Business		Các chặng nội địa JP	J	J		
JL	Economy	Tất cả	Các chặng nội địa JP	G	G		
			Các chặng quốc tế	O	O		
K6	Economy	Tất cả	REP/PNH – BKK; PNH – REP; SGN – KOS; HAN – REP	W	W		
KA	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	V	G		
KE	Economy	Lao động	Các chặng bay giữa SEL và JP	T	T		
			Các chặng nội địa KR	T	T		
		Các loại giá khác	Các chặng bay giữa KR và US/CA	T	T	- Đặt chỗ hạng Q thu thêm 110 USD/ chiều. - Đặt chỗ hạng K thu thêm 200 USD/ chiều.	Không thu Q của KE.
KL	Economy	W-/Z-/U-/Y- /B-/M-/S-/H- /K-/L-/Q-/N- /R-/T- E-/P-	Các chặng bay quốc tế khác	T, Q	T, Q		
			Tất cả các chặng bay	N/E	N/E		
				N	N		
KQ	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	T	T		
	Business	J-/C-/D-/I-		Z	Z		Được phép đặt hạng M/LH trong trường hợp chặng bay của LH không khai thác khoang Business.
LH	Premium Economy	W-/Z-/U-	Tất cả các chặng bay	M	S		
		Y-/B-/M-/S- /H-/K-		S, M	S		
	Economy	L-/Q-/N-/R- /T-/E-/P-/A- /G-		S	S		

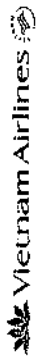
Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Khoản thu thêm	Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn			
LY	Lao động	Tất cả	Tất cả các chặng TLV- châu Á	U/O	U/O		Không thu Q của LY.	
		R-/T-/E-/P-/A-/G- Q-/N- Các hạng khác	Tất cả các chặng TLV- Châu Âu	U	U			
	Economy	Giá khác	R-/T-/E-/P-/A-/G- N- Các hạng khác	BKK-TLV/BOM v.v	U	U		
					U/O	U/O		
		R-/T-/E-/P-/A-/G- N- Các hạng khác	TLV-HKG v.v	U/O/G	U/O/G			
				U	U			
				U/O	U/O			
				U/O/G	U/O/G			
	R-/T-/E-/P-/A-/G- N- Các hạng khác	TLV-BJS	U/O	U/O				
			U/O/G	U/O/G				
Business	Business	J-/C-/D-/I- J-/C-/D-/I-	TLV-PAR/FRA/MOW/LON/ROM	U/G/N	U/G/N			
		W-/Z-/U-/ Y-/B-/M-/S- L-/Q-/N-/R- T-/E-/P-/A- Tất cả	Tất cả các chặng Tất cả các chặng	J D,C	J -			
MH	Business	Premium Economy/ Economy	Các chặng nội địa Malaysia	L/M/K/H/B	L/M/K/H			
				L/M/K/H	L/M/K			
				L/M/K	L/M/K			
				V/L/M	V/L/M			
				P	P			
NH	Business	Tất cả	TYO - CHI/LAX/NYC/SEA/SFO/SJC/WAS/YVR					
			Các chặng bay nội địa Nhật	H	H			
				K	K			

Không thu Q của NH.



Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Khoản thu thêm	Ghi chú		
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn				
NZ	Business	Tất cả	AKL/CHC/WLG-SYD/MEL v.v	J					
		W-/Z-/Y-/						K	Đặt chỗ hạng S thu thêm 140USD/chiều. Đặt chỗ hạng W thu thêm 220USD/chiều.
		B-/M-/S-/H-/ K-/L-/Q-/N-							
OK	Economy	Loại giá khác	Tất cả	G,S,L,T,H			Yêu cầu đặt chỗ hạng J. Trong trường hợp NZ không khai thác khoang dịch vụ Business, được phép đặt vào các hạng G,S,L,T,H.		
		Tất cả						G,S	
		W-/Z-/Y-/B- M-/S-/H-/K- /L- Q-/N-/R-/T- /A- E-/P-							
OZ	Economy	Tất cả	PAR/FRA - PRG	D					
		Tất cả						G,S	
		W-/Z-/Y-/B- M-/S-/H-/K- /L- Q-/N-/R-/T- /A- E-/P-							
PG	Economy	Tất cả	Các chặng bay Nội địa Hàn quốc Các chặng bay quốc tế	W, V, S W, V	G,S,L,T				
		Tất cả						G,S	
		W-/Z-/Y-/B- M-/S-/H-/K- /L- Q-/N-/R-/T- /A- E-/P-							
PG	Business	Tất cả	Các chặng nội địa Thái Lan Các chặng quốc tế	C					
		Tất cả						D	
		W-/Z-/Y-/B- M-/S-/H-/K- /L- Q-/N-/R-/T- /A- E-/P-							
PG	Economy	Tất cả	BKK-BOM/DAC	Q,T,N					
		Tất cả						Q,T	
		W-/Z-/Y-/B- M-/S-/H-/K- /L- Q-/N-/R-/T- /A- E-/P-							
PG	Economy	Tất cả	BKK-BOM/DAC	Q,T					
		Tất cả						Q,T,N,K,M	
		W-/Z-/Y-/B- M-/S-/H-/K- /L- Q-/N-/R-/T- /A- E-/P-							
PG	Economy	Tất cả	Các chặng nội địa Thái Lan Các chặng quốc tế	Q,T					
		Tất cả						Q,T,N,K,M	
		W-/Z-/Y-/B- M-/S-/H-/K- /L- Q-/N-/R-/T- /A- E-/P-							

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Khoản thu thêm	Ghi chú
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn		
QR	Economy	Y-/B-/M-/S-/H-/K-/L-	Các chặng quốc tế	Q,T,N,K,M	REP/LPQ: Q,T,N,K BKK-MLE/ PNH/RGN: Q,T,N		
		Q-/N-/R-/T-/E-/P-/A-	Các chặng quốc tế	Q,T,N,K			
QR	Economy	Tất cả	DOH-KUL/BKK/HKG	Q,N	G		
			DOH-JED	Q	G		
QR	Business	Tất cả	Các chặng bay nội địa Úc	D, Y(*)	I		(*) : Yêu cầu đặt chỗ hạng D. Trong trường hợp QF không khai thác khoang dịch vụ Business, được phép đặt vào hạng Y.
			Các chặng bay giữa Úc và New Zealand	LD			
QF	Economy	W-/Y-/B-	Các chặng bay nội địa Úc	S,V,O,Q	G		
		Z-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-		Q,S,O	G		
		T-/A-		O,Q	G		
		Loại giá khác		O	G		
S7	Economy	Y-/B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-	Các chặng bay giữa Úc và New Zealand	Q,N	G		
		Loại giá khác		Q	G		
SA	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	D	D		
			IKT/KJA/TOF/OVB/SVX/PEE/CEK/JFA/KUF/KZN/VOG/ASF/ROV/KRR/AAQ/AER/LED/MRV/IEV/ODS – MOW	O, S, T	O, S, T		
SA	Economy	Tất cả	Các chặng bay còn lại	O, S	O, S		
			JNB - HKG	V	V	Đặt chỗ hạng Q thu thêm 50USD/1 chiều bay.	
			JNB - CPT	W	W	Đặt chỗ hạng S thu thêm 20USD/1 chiều bay.	



**BỘ ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM DKC18/VN version 5.0 Hiệu lực:**

Vé xuất từ ngày **01/05/2018**  
& khởi hành từ ngày **01/05/2018**

**Hiệu lực:**

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/Đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
SB	Economy	Lao động/ Thuyền viên	NOU - TYO/OSA/SYD/SEL	H	H		
SQ	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	K	K		
SU	Economy	Tất cả	Chặng bay SOF/IST/MIL/ROM-MOW v.v	N, T	G		Yêu cầu nhập 03 đồng thông báo SSR khi đặt đoàn trên SU như sau: - SSR GRPS SU TCP tổng số khách của đoàn khách và tên đoàn. - SSR GRPS SU 03 Ký tự chỉ loại khách đoàn. - SSR GRPF SU thông tin giá SPA hoặc giá cả hành trình.
			Các chặng bay nội địa Nga	T, Q	G		
TG	Economy	Tất cả	BKK-CCU/CMB/DXB	S,K	S,K		Đặt chỗ hạng K thu thêm 60USD/ 1 chiều bay.
			BKK-MCT				Đặt chỗ hạng K thu thêm 20USD/ 1 chiều bay.
			BKK-KHI	S	S		Đặt chỗ hạng K thu thêm 35USD/ 1 chiều bay.
			BKK-DAC				
			Các chặng bay còn lại				
UL	Economy	Tất cả	BKK/SIN-CMB	Q, N, S	Q, N, S		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Khoản thu thêm	Ghi chú
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn		
VA	Business	Tất cả	Tất cả các chặng bay Nội địa Úc, giữa Úc và New Zealand	I	I		Trong trường hợp VA không khai thác khoảng dịch vụ hạng Thương gia trong nội địa Úc, giữa Úc và New Zealand, được phép đặt vào hạng O - khoang dịch vụ Phổ thông đặc biệt.  Trong trường hợp VA khai thác máy bay không khai thác khoảng dịch vụ Thương gia hay Phổ thông đặc biệt, hành khách được đặt chỗ vào các hạng Phổ thông.  Lưu ý về đặt chỗ khách đoàn: Bất buộc điền các thông tin sau vào trong booking: "SSR GRPS GRPF group name" - Phần hỏi của KQ VA: Trong vòng 2 ngày làm việc. - Đầu mỗi khách đoàn của VA: Rm.groups@virginaustralia.com.au
				O	O		
	T, V	T, V					
	T, V	T, V					
VS	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay quốc tế đi Mỹ	N, X	N, X	Đặt chỗ hàng Q thu thêm 100USD/1 chiều bay	
W9	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng	L	L		
ZH	Economy	Tất cả	Chặng bay CAN - KMG/CSX	G	G		

**Phụ lục 2: GIỚI HẠN CHUYỂN BAY KHÔNG ÁP DỤNG**

**1 – Giới hạn chuyển bay KHÔNG áp dụng đối với một số chặng bay đặc biệt trên OALs:**

Loại Giá	Chặng Bay KHÔNG áp dụng	Hãng vận chuyển
J-/C-/D-	PAR-BRU v.v	SN
	MOW-UUD v.v	S7
	PAR-IEV v.v	AF
	FRA-IEV v.v	LH
	Tất cả	AB/AY/B2/KL/OS/SU

**2 – Giới hạn chuyển bay KHÔNG áp dụng trên OALs:**

Hãng vận chuyển	Các chuyến bay KHÔNG áp dụng		
	Từ	Đến	Từ
8M	Các chuyến bay liên danh của 8M do hãng khác khai thác		
9W	9W2000	9W2999	9W4000
AA	AA6000	AA9999	
AC	AC2200	AC6999	AC9000
			9W8999
			AC9999

Hãng vận chuyển	Các chuyến bay KHÔNG áp dụng			
	Từ	Đến	Từ	Đến
AF	AF1900	AF3299	AF3325	AF3989
	AF4000	AF4999	AF5132	AF5999
	AF6060	AF6099	AF6170	AF6199
	AF6280	AF7099	AF7760	AF8214
	AF8450	AF9999		
AH	Các chuyến bay liên danh của AH do hãng khác khai thác			
AI	AI1000	AI9999		
AM	AM4000	AM9999		
AY	AY2501	AY9999		
AZ	AZ2400	AZ3999	AZ7000	AZ7999
B2	B20001	B20708		
BA	BA510	BA526	BA2800	BA2899
	BA532	BA538	BA3000	BA3269
	BA1500	BA2029	BA3300	BA4449
	BA2046	BA2060	BA4480	BA7999
	BA2070	BA2149	BA8040	BA8449
	BA2170	BA2199	BA8498	BA8699
	BA2240	BA2249	BA8770	BA9999
	BA2290	BA2539		
	BI3000	BI3999		
	BR2145	BR2150	BR2389	BR2399
BR2171	BR2182	BR2761	BR2800	
BT5000	BT5999	BT7000	BT7999	
CA	CA1151	CA1200	CA4600	CA8199
	CA3001	CA3999	CA8300	CA8900
	CA4075	CA4098	CA9001	CA9999
CI	CI 8000	CI 9999		
CX	CX1000	CX1999	CX9000	CX9999

Hãng vận chuyển	Các chuyến bay KHÔNG áp dụng			
	Từ	Đến	Từ	Đến
CZ	CX6000	CX7999		
	CZ501	CZ599	CZ4001	CZ5999
	CZ701	CZ799	CZ7000	CZ7999
	CZ1001	CZ1999	CZ9000	CZ9999
	DL1000	DL1049	DL4339	DL4438
DL	DL4277	DL4296	DL6311	DL9999
	Ngoại trừ chuyến bay do RP, CP, EV, G7, 9E, S5 khai thác			
EK	EK1000	EK9999		
EY	EY1000	EY1999	EY5500	EY9999
	EY2500	EY5399		
FM	FM001	FM800	FM9800	FM9999
	FM900	FM9000		
GA	GA9000	GA9799	GA9900	GA9999
GF	GF5000	GF6999		
HU	HU8000	HU8999		
HX	HX1000	HX1999		
	IB100	IB399	IB4000	IB5999
IB	IB2360	IB2699	IB7000	IB7999
	IB2800	IB2999	IB9000	IB9999
	JL2854	JL2855	JL4331	JL4346
JL	JL2857	JL2858	JL4401	JL4414
	JL3527	JL3528	JL5000	JL5999
	JL3545	JL3546	JL7000	JL7999
	JL3810	JL3819		
JP	JP9000	JP9999		
JU	JU8000	JU8999		
KA	KA1000	KA1999		
KE	KE5000	KE7999		
KL	KL2000	KL9999		

Hãng vận chuyển	Các chuyến bay KHÔNG áp dụng			
	Từ	Đến	Từ	Đến
KQ	KQ1000	KQ9999		
LG	LG1000	LG1999		
LH	LH3800	LH9999		
	Ngoại trừ các chuyến bay của LH khai thác bởi Lufthansa City Line (CL), Air Dolomiti (EN), Deutsche Bahn AG (2A).			
LO	LO 3801	LO 9999		
LX	LX3000	LX4999	LX7400	LX7499
LY	LY8000	LY8999		
MF	MF1000	MF1999	MF7000	MF7999
	MF3000	MF3999	MF9000	MF9999
	MH3000	MH3999	MH5000	MH5999
MH	MH4000	MH4999	MH9000	MH9999
MU	MU1000	MU2000	MU8001	MU9600
	MU3001	MU4999	MU9801	MU9999
NH	NH3000	NH3200	NH5001	NH9999
	NH3300	NH4840		
NZ	NZ3000	NZ4999	NZ9000	NZ9999
	NZ7000	NZ7999		
OK	OK3000	OK4763	OK4765	OK5999
OS	OS7000	OS8999		
OZ	OZ6100	OZ7000	OZ8800	OZ8816
	OZ8100	OZ8109	OZ9101	OZ9999
PR	Các chuyến bay liên danh của PR do hãng khác khai thác			
PS	PS1000	PS9999		
	PG3300	PG3399	PG6101	PG6999
PG	PG3500	PG3699	PG8000	PG9999
	PG4000	PG4999		
QF	QF200	QF399	QF2670	QF2799
	QF2900	QF9999		
QR	QR3500	QR6999		



Hãng vận chuyển	Các chuyến bay <b>KHÔNG</b> áp dụng			
	Từ	Đến	Từ	Đến
QV	QV4000	QV4999		
RO	RO9000	RO9999		
S7	S74000	S74999		
SA	SA2000	SA2999	SA7000	SA7950
SB	SB0001	SB0099	SB1000	SB9999
SK	SK3000	SK3999	SK8000	SK8999
	SK6100	SK6175	SK9300	SK9999
	SK6400	SK6899		
SN	SN4000	SN9999		
SQ	SQ1000	SQ9999		
SU	SU3000	SU4299	SU4700	SU4999
	SU4400	SU4599		
TG	TG1000	TG7999		
TK	TK7800	TK9299		
UL	UL2000	UL3999		
UX	UX3000	UX3999		
VA	VA3000	VA3999	VA6500	VA7499
	VA5000	VA5199	VA7990	VA8999
	VA5400	VA6099		
VS	Và các chuyến VA* do hãng khác khai thác			
	VS1000	VS9999		

3 – Giới hạn chuyển bay KHÔNG áp dụng trên VN (không áp dụng cho các giá – VN9):

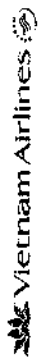
Chặng Bay	Loại Giá	Các chuyến bay KHÔNG áp dụng
SGN-BKK v.v	J-/C-/D-/W-/Z-/H-/L-/Q-/N-/R-/T-/A-/E-/P-	Từ VN2000 đến VN3999
SGN-REP v.v	L-/Q-/N-/R-/T-/A-/E-/P-	Từ VN2000 đến VN3999
SGN – TPE v.v.	D-/I-/S-/L-/Q-/N-/R-/T-/A-/E-/P-/G-	VN3581/3580/3583/3582
HAN – TPE v.v.	D-/I-/Q-/N-/R-/T-/A-/E-/P-/G-	VN3584/3585
HAN-CAN/BJS/SHA v.v		Từ VN2000 đến VN3999
SGN-CAN/HKG/SHA v.v		(Trong trường hợp áp dụng tham chiếu điều kiện mục 12.2)
HAN/SGN-SEL/PUS v.v		
NHA/DAD-SEL v.v		
HAN/SGN-TYO v.v	Tất cả	Từ VN8000 đến VN8999
Tất cả		(Trong trường hợp áp dụng tham chiếu điều kiện mục 12.2)
Tất cả		Từ VN4000 đến VN4999

**Phụ lục 4: HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI CHẠNG TÀU, XE BUÝT**

TT	Nội dung	Tàu DB	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)
1	<b>Quy định chung</b>	- Các loại Tàu do DB khai thác: D, EN, CNL, ICE, IC, IRE, RE, RB, S-bahn, DB Nachtzug. - Khách được sử dụng chuyển tàu bất kỳ trong thời hạn hiệu lực của Flight Coupon chặng tàu hoá, không cần xuất đổi lại vé. - Các điểm nội địa Đức thể hiện trên hệ thống đặt giữ chỗ với mã "QYG" Tờ hành trình in ra tương ứng với "QYG" là "RAILWAY GERMANY".	- Trong nội địa Anh là tàu First Great Western (FGW) và Heathrow Express (HEX). - Khách được sử dụng chuyển tàu bất kỳ trong thời hạn hiệu lực của Flight Coupon chặng tàu hoá, không cần xuất đổi lại vé.	- Khách được làm check in thẳng đến BRU. - Tại sân bay CDG, khách tự mang hành lý lên tầng 2 của sân bay CDG (hướng Bắc), nhân viên của AF sẽ làm thủ tục lên tàu cho khách và hành lý sẽ được hãng AF chuyển đến ga BRU cuối cùng trong vòng 45 phút trước giờ tàu khởi hành.	- Áp dụng cho hành khách của VN nói chuyển trong vòng 24h tại sân bay Paris Charles De Gaulle với chặng tàu của SNCF đi nội địa Pháp số hiệu VN*.	- Áp dụng cho hành khách nói chuyển từ AUH đi DXB. - Trên chặng xe buýt không cung cấp các dịch vụ: (a) Dịch vụ đặc biệt (b) Trẻ em đi một mình (c) Khách phải xác nhận sức khỏe trước khi bay (d) Khách khuyết tật hoặc đi chuyển khó khăn. - Điểm DXB được thể hiện trên hệ thống đặt giữ chỗ với mã là XNB.
2	<b>Hướng dẫn check-in</b>	Sau khi xuất vé, Phòng vé/dại lý có trách nhiệm thông báo cho khách mã số "Bahn Tix Number" (TKT PICKUP NUMBER) trên các chặng tàu hoá (chỉ có trong nội địa Đức). Mỗi chặng trên tàu hóa có một số "Pick up number" riêng.  Khách phải in vé chặng tàu trong vòng 72 giờ so với giờ khởi hành của	Check-in trên website <a href="http://www.accessrail.com/che">www.accessrail.com/che</a> <b>ckin</b> nhiều nhất 72h trước giờ khởi hành. Khách cần điền họ/tên và code vé điện tử của VN (13 số) hoặc PNR của VN (6 chữ).  Đi lại từ sân bay LHR đến nhà ga London Paddington: Khi check-in khách sẽ nhận được 2	1- Đối với khách đi từ Việt Nam: - Khách được làm check in thẳng đến DXB - Tại sân bay AUH sau khi làm thủ tục hải quan và nhập cảnh, khách đến quầy làm thủ tục xe buýt của EY (Etihad Coach Desk) và xuất trình vé điện tử cùng với thẻ lên tàu bay vừa sử dụng. Nhân viên của EY sẽ kiểm tra vé và đưa khách lên xe buýt.	Phòng vé/Dại lý cần thông báo cho hành khách về việc khách phải đến quầy SNCF để đổi vé, không đi thẳng lên tàu. Nếu không thực hiện đúng, hãng tàu sẽ yêu cầu khách mua vé mới và có thể thu thêm phí phạt. 1- Đối với khách đi từ Việt Nam: Khách đến nhà ga 2E (Terminal 2E) sân bay	1- Đối với khách đi từ Việt Nam: - Khách được làm check in thẳng đến DXB - Tại sân bay AUH sau khi làm thủ tục hải quan và nhập cảnh, khách đến quầy làm thủ tục xe buýt của EY (Etihad Coach Desk) và xuất trình vé điện tử cùng với thẻ lên tàu bay vừa sử dụng. Nhân viên của EY sẽ kiểm tra vé và đưa khách lên xe buýt.

TT	Nội dung	Tàu DB	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)
	<p>chặng tàu. Khách có thể chuyển mã số Ticket Pickup Number thành vé theo 2 cách:</p> <p><b>1- Cách 1: Tại ga tàu hỏa ở Đức:</b> khách nhập mã số "Bahn Tix Number" (TKT PICKUP NUMBER) vào máy in vé tự động để tự in vé.</p> <p><b>2- Cách 2: Check-in online và in vé tàu trên trang web:</b> <a href="http://www.accesrail.com/checkout">www.accesrail.com/checkout</a></p> <p>Điền thông tin check-in online qua trang web:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô "First name": Điền toàn bộ các ký tự sau dấu "/" trong trường Tên của PNR, bao gồm cả MRS/MR;</li> <li>- Ô "Last name": Điền toàn bộ các ký tự đứng trước dấu "/" trong trường Tên của PNR;</li> <li>- Ô "PNR Locator": Điền PNR (mã đặt chỗ) của VN;</li> <li>- Ô "E-ticket</li> </ul>	<p>vé: Một cho tàu FGW và một cho HEX cho phép khách đi từ sân bay London Heathrow (khách phải in vé dưới dạng .pdf)</p> <p>Khi đến Terminal 4 ở sân bay LHR, khách cần đi shuttle inter-terminal giữa Heathrow Central (15 phút có một chuyến, mất 4 phút). Từ đó lấy tàu HEX đến nhà ga London Paddington (đi mất 15 phút)</p> <p>Đi lại từ nhà ga London Paddington đến sân bay LHR: Các tàu thường sẽ xuất phát từ Platforms 6 và 7 tại nhà ga London Paddington. Để đến Terminal 4, xuống đôi tàu tại Heathrow Central và bắt tàu transfer miễn phí (15 phút có một chuyến, mất 4 phút).</p>	<p><b>2- Đối với khách đi từ BRU:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm thủ tục check-in tại quầy làm thủ tục của AF tại ga tàu Brussels-Midi. Thời gian nối chuyến tối thiểu theo quy định tại trang WEB của AF.</li> <li>- Xuất trình vé máy bay để lấy vé tàu.</li> <li>- Khách được làm thủ tục check-in thẳng về Việt Nam. Riêng về hành lý, khi đến ga TGV ở sân bay CDG, khách phải tự mang hành lý sang quầy check-in của VN để làm thủ tục ký gửi hành lý đến điểm cuối.</li> </ul>	<p>Paris Charles De Gaulle và làm thủ tục như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm thủ tục nhập cảnh, lấy hành lý, qua khu vực kiểm tra hải quan.</li> <li>- Đi bộ theo biển chỉ dẫn "Gare SNCF Railway Station" tới khu vực ga tàu của SNCF tại nhà ga 2D (Terminal 2D) mất khoảng 20 phút.</li> <li>- Xuống tầng và đến quầy vé của SNCF để làm thủ tục đổi vé của VN sang thẻ lên tàu hỏa của SNCF, số hiệu tàu hỏa TGV.</li> <li>- Làm thủ tục lên tàu hỏa tại các máy màu vàng có dòng chữ "SNCF compostage de billets" và lên tàu cùng hành lý của mình.</li> </ul> <p><b>2- Đối với khách đi từ các điểm nội địa Pháp:</b> Khách đến nhà ga của SNCF và làm thủ tục như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại quầy vé của SNCF, làm thủ tục through check-in, sử dụng vé máy bay của VN để đổi sang thẻ lên tàu hỏa</li> </ul>	<p>2- <b>Đối với khách đi từ DXB:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khách có thể làm thủ tục check-in trước chuyến bay từ 6-24 giờ tại Chelsea Towers (XNB) hoặc Dubai Marina Mall (XMB) cùng nằm trên phố Sheikh Zayed road, Dubai), check-in hành lý và nhận thẻ lên tàu.</li> </ul>	

TT	Nội dung	Tàu DB number": Điền số vé của khách: 738xxxxxxxxx	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)
3	<b>Quy định về hành lý</b>	Chặng tàu hoá không bị giới hạn mức hành lý miễn cước. Trên vé, ghi mức hành lý miễn cước áp dụng như chặng bay.	Chặng tàu hoá không bị giới hạn mức hành lý miễn cước. Trên vé, ghi mức hành lý miễn cước áp dụng như chặng bay.		TGV và có thẻ nhận thêm thẻ lên máy bay của VN. - Làm thủ tục lên tàu hỏa tại các máy màu vàng có dòng chữ "SNCF <i>compostage de billets</i> " bằng thẻ lên tàu hỏa và lên tàu cùng hành lý của mình. - Đến sân bay Paris Charles De Gaulle, khách lấy hành lý ra và đi bộ khoảng 20 phút đến quầy check-in của VN tại nhà ga 2E (Terminal 2E). - Tại quầy của VN, xuất trình visa/hộ chiếu để làm thủ tục, ký gửi hành lý và nhận thẻ lên máy bay của VN - Làm thủ tục xuất nhập cảnh và lên máy bay.	
	<b>Quy định về hành lý</b>	Chặng tàu hoá không bị giới hạn mức hành lý miễn cước. Trên vé, ghi mức hành lý miễn cước áp dụng như chặng bay.	Chặng tàu hoá không bị giới hạn mức hành lý miễn cước. Trên vé, ghi mức hành lý miễn cước áp dụng như chặng bay.		Chặng tàu áp dụng theo chính sách hành lý của VN. Khách phải thỏa mãn các điều kiện sau: - Hành lý phải được dán nhãn với thông tin họ và tên, địa chỉ/ điện thoại của hành khách. Hành	



BỘ ĐIỀU KIỆN VIỆT NAM DKC18/VN version 5.0

Hiệu lực:

Vé xuất từ ngày 01/05/2018  
& khởi hành từ ngày 01/05/2018

Trang 29 / 31

TT	Nội dung	Tàu DB	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)
					<p>khách tự chịu trách nhiệm bảo quản hành lý.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vali, túi du lịch và ba lô được chấp nhận với điều kiện hành khách có thẻ tự vận chuyển và có thẻ xếp vào khoang hành lý chuyên dụng của tàu TGV.</li><li>- 01 khách chỉ được mang 01 kiện hành lý đặc biệt sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Xe đạp có thẻ gấp và tháo dỡ được trong một chiếc túi xe đạp chuyên dụng có kích cỡ tối đa 120 x 90cm;</li><li>+ Ván trượt, xe đẩy gấp được;</li><li>+ Ván lướt sóng</li></ul></li></ul> <p>được đóng gọn trong một túi có kích cỡ tối đa 120 x 90cm;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Xe lăn điện hoặc điều khiển bằng tay.</li></ul>	

TT	Nội dung	Tàu DB	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)
4	Thông tin, liên hệ	- Tra cứu thông tin và in lịch trình để phát cho khách tại trang Web: <a href="http://www.bahn.de/p_e&lt;br/&gt;n/view/booking/individu&lt;br/&gt;al-planning/personal-&lt;br/&gt;timetable.shtml">http://www.bahn.de/p_e n/view/booking/individu al-planning/personal- timetable.shtml</a> Click "Create your personal timetable"	Khi xử lý vé cần kiểm tra xem khách đã lấy vé tàu hay chưa, liên hệ với 9B theo địa chỉ: Accessrail Help Desk - <a href="mailto:info@accessrail.com">info@accessrail.com</a> .	Trà cứu thông tin tại trang Web: <a href="http://www.airfrance.be/&lt;br/&gt;BE/en/common/resainfo&lt;br/&gt;vol/avion_train/avion_tr&lt;br/&gt;ain_ligne_cdgbru.htm#6">http://www.airfrance.be/ BE/en/common/resainfo vol/avion_train/avion_tr ain_ligne_cdgbru.htm#6</a>		Trà cứu thông tin tại trang Web: Web: <a href="http://www.etihadairways.com">www.etihadairways.com</a> . Điện thoại liên hệ: (a) Tại UAE: 8002277/02 599 0000; (b) Tại các địa điểm khác: +971 2 599 084.

Lưu ý: Hành trình có LH\* khai thác bằng tàu áp dụng tương tự quy trình như đối với chặng bay LH khai thác.

**Phụ lục 5: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG HÀNH TRÌNH CỘNG CHẶNG ĐỐI VỚI CÁC VÉ KHÔNG XUẤT TỰ ĐỘNG**

- Được phép xây dựng giá cộng chặng khi hành trình chính và chặng cộng thêm sử dụng
  - Chặng hạng dịch vụ
  - Khác hạng dịch vụ nếu chuyến bay chặng nội địa không khai thác khoảng dịch vụ thương gia.
- Hành trình chính chỉ được phép cộng chặng khi:
  - Hành trình từ Việt Nam được chỉ ra trong biểu giá áp dụng tại thị trường Việt Nam.
  - Hành trình kết hợp giá trên cơ sở ½ giá khứ hồi được chỉ ra trong biểu giá áp dụng tại thị trường Việt Nam.
- Các điểm xây dựng giá cộng chặng phải là điểm xuất phát của hành trình chính
- Chặng cộng chặng chỉ được sử dụng một lần trong một đoạn tính giá.
- Khác:
  - Loại giá, số hiệu biểu giá, điều kiện giá tuân thủ điều kiện của hành trình chính.
  - Trong trường hợp hành trình chính và chặng cộng thêm sử dụng khác hạng dịch vụ do chuyến bay chặng cộng thêm không khai thác khoảng dịch vụ tương ứng với chuyến bay trên hành trình chính:
    - Chặng cộng thêm sử dụng hạng dịch vụ phổ thông: ghi "Y" trong ô Loại giá
    - Chặng cộng thêm sử dụng hạng dịch vụ thương gia: ghi "C" trong ô Loại giá

## **BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG : DKC18/VN**

### **PHÊ DUYỆT**

Nội dung:

Bổ sung giới hạn chuyến bay trên 9W

Ngày: \_\_\_\_\_

**THAY MẶT TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

**NGUYỄN QUANG TRUNG**

**TRƯỞNG BAN TIẾP THỊ VÀ BÁN SẢN PHẨM**

### **THÔNG TIN BỘ ĐIỀU KIỆN CHUNG**

Ngày kiểm tra bộ điều kiện :

Người kiểm tra :

STI:

TNT: TNT\_HADTT

PRM-INC:

Phiên bản : 5.0

Thay thế : 4.0

Số trang : 32 (bao gồm cả trang này)

Người làm : DUONGDT – Đỗ Thùy Dương

Kiểm nghị phê duyệt \_\_\_\_\_ Ngày \_\_\_\_\_